

Bản án số: **10/2020/HS-ST**
Ngày: 11-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Bùi Thanh Thảo
<i>Thẩm phán:</i>	Bà Lê Hồng Hạnh
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Trương Thanh Tuyết
	Ông Nguyễn Minh Trung
	Ông Vũ Đình Tứ

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Hồng H, sinh năm: 1981, tại Bình Phước; HKTT: Số 135, quốc lộ 14, khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hồng T (tên gọi khác: Trần Ngọc C), sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trần Thị Hương L, sinh năm 1946; có vợ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 07/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 38/HS-ST; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2018 đến nay. (có mặt)

2. Phạm Văn H1, sinh năm 1965, tại Hải Phòng; HKTT: Số 8, Lê Quý Đôn, khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội nông dân huyện B; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1939 (đã chết); có vợ Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1966 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

3. Đặng Bá A, sinh năm 1966, tại Quảng Trị; HKTT: Số 7, đường 14 tháng

02, khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng T, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1942; có vợ Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1967 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Thiện H2, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi làm việc: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Bà Đặng Thúy S, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đoàn Kết, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Bà Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đức H1, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi làm việc: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H4, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tân Hưng, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

5. Ông Nguyễn Mạnh H5, sinh năm 1960

HKTT: Số 27 đường Bạch Đằng, phường P, tHnh phố T, tỉnh Bình Dương

Nơi làm việc: Hạt Kiểm lâm huyện B, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1964 (xin vắng)

Nơi làm việc: Hạt Kiểm lâm huyện B, tỉnh Bình Phước

6. Ông Lương Hận (xin vắng)

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

7. Đại diện Công an huyện B, tỉnh Bình Phước (xin vắng)

Địa chỉ: Công an huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng Tài chính kế hoạch (TCKH) huyện B được thành lập theo Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 27/3/2008 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, trong đó quy định “*Phòng TCKH có nhiệm vụ tham mưu giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước: Tài chính, tài sản, kế hoạch và đầu tư,...*”. Ngày 25/3/2009 UBND huyện ban Hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng TCKH, trong đó quy định “*Phòng có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, tài sản, kế hoạch và đầu tư...; Phòng TCKH có nhiệm vụ và quyền hạn như: ... giúp UBND huyện hướng dẫn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý về tài chính, ngân sách NH nước trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật...; tổng hợp thu, chi ngân sách NH nước trên địa bàn huyện, lập quyết toán ngân sách cấp huyện và tổng quyết toán ngân sách*

trên địa bàn huyện theo quy định... ”. Theo quy định tại Luật Ngân sách NH nước; các Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003, số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; các Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003, số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 và số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính thì “Toàn bộ các khoản thu ngân sách phải được nộp trực tiếp vào Kho bạc NH nước; các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, chi ngân sách NH nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán theo đúng chế độ kế toán của NH nước; kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách NH nước; Sau khi kết thúc công tác khoá sổ kế toán cuối ngày 31 tháng 12, số liệu trên sổ sách kế toán của đơn vị phải bảo đảm cân đối và khớp đúng với chứng từ thu, chi ngân sách của đơn vị và số liệu của cơ quan tài chính, Kho bạc NH nước về tổng số và chi tiết... ”.(BL115-119, 123). Nhưng các cá nhân tại Phòng TCKH huyện B đã có sai phạm khi thực hiện chức năng thu nộp tiền bán đấu giá và bán thanh lý tài sản gây thiệt hại cho ngân sách NH nước, cụ thể như sau:

Để thực hiện việc bán đấu giá và thanh lý các loại tài sản NH nước như: Tang vật, phương tiện vi phạm Hành chính bị tịch thu sung quỹ NH nước; tài sản cần thanh lý; quyền sử dụng đất; ... từ năm 2010 đến 2017, UBND huyện B đã ban hành nhiều Quyết định về việc thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản, thanh lý tài sản, trong đó đều có Đại diện Phòng TCKH (Trưởng phòng và Cán bộ chuyên môn) tham gia làm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và Thành viên. Theo quy định của Quy chế bán đấu giá và trên bản Hợp đồng bán tài sản thì “*người mua tài sản phải nộp đủ tiền vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính kế hoạch tại Kho bạc huyện hoặc nộp tiền mặt*”. Trong thời gian này, Phạm Văn H1 là Trưởng phòng TCKH đã phân công trách nhiệm trong Ban lãnh đạo. Trong đó, H1 phụ trách chung và trực tiếp phụ trách việc bán đấu giá, thanh lý tài sản; phân công bà Đặng Thúy S là Phó Trưởng phòng phụ trách tài chính, biên lai, ấn chỉ. Đến năm 2010, H1 giao cho Nguyễn Hữu T (cán bộ) quản lý 02 quyền Hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ NH nước và 01 quyền Hóa đơn bán tài sản NH nước do Sở Tài chính cấp cho Phòng TCKH sử dụng nhưng không thông báo cho bà S là Phó Trưởng phòng phụ trách và bà Trần Thị Thanh H3 là Kế Toán trưởng biết, theo dõi. Đến tháng 8/2011 H1 phân công Trần Hồng H là nhân viên bộ phận giá, công sản tiếp nhận một số công việc của ông Tịnh (do ông Tịnh đã có đơn xin thôi việc), trong đó có tiếp nhận 03 quyền hóa đơn bán tài sản nói trên nhưng không thông báo cho Kế Toán trưởng và Phó Trưởng phòng phụ trách biết. Đồng thời, do Trần Hồng H cũng là thành viên trong các Hội đồng bán đấu giá và bán thanh lý tài sản nên H1 phân công H phụ giúp, tham mưu cho H1 và các Hội đồng soạn thảo các biểu mẫu, thực hiện các trình tự, thủ tục bán đấu giá, bán thanh lý tài sản; thu tiền bán tài sản, theo dõi, kiểm tra việc nộp tiền mua tài sản vào tài khoản tạm giữ để quyết toán nộp ngân sách; xuất hóa đơn bán hàng và tham gia giao tài sản cho

người mua; thực hiện báo cáo kết quả thực hiện của Hội đồng, quản lý hồ sơ bán tài sản, các sổ sách giấy tờ liên quan... và chịu sự quản lý trực tiếp của H1.

Từ tháng 8/2011 đến ngày 06/01/2015, Phạm Văn H1 là Chủ tịch Hội đồng, Trần Hồng H là Thành viên Hội đồng bán đấu giá tài sản. Hội đồng thực hiện 28 vụ bán tài sản (gồm 27 vụ bán tài sản bị tịch thu sung quỹ NH nước và 01 vụ bán thanh lý tài sản NH nước) với tổng số tiền bán tài sản là 2.357.296.306 đồng. Người mua tài sản đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Phòng TCKH 1.340.461.795 đồng, nộp trực tiếp cho H 1.016.834.511 đồng. H viết, trình H1 ký các Phiếu thu tiền và Hóa đơn bán tài sản rồi H giao cho người mua để làm thủ tục nhận tài sản. Nhưng H1 không kiểm tra, cũng không thông báo và chỉ đạo Phó Trưởng phòng phụ trách và Kế Toán trưởng, Tổ ngân sách theo dõi, kiểm tra việc H thực hiện thống kê, báo cáo kết quả bán tài sản và quyết toán, thu nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của đơn vị, không theo dõi và báo cáo việc sử dụng các quyển Hóa đơn bán tài sản hàng năm. Do đó, H đã lợi dụng sơ hở, thiếu sót trong công tác kiểm tra, giám sát và quản lý tài sản nên không nộp số tiền 1.016.834.511 đồng bán tài sản thu được vào tài khoản tạm giữ để làm thủ tục thu nộp vào ngân sách theo quy định, không báo cáo trung thực số tiền bán tài sản vào cuối năm ngân sách; không tham mưu Trưởng phòng lập báo cáo kết quả sử dụng hóa đơn bán tài sản hàng năm cho cơ quan cấp trên theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 225/2009/TT-BTC ngày 26/11/2009 của Bộ Tài chính. Khi đơn vị bán tài sản giao hồ sơ đề nghị quyết toán chi phí cho H trình Lãnh đạo Phòng TCKH duyệt nhưng H không chuyển hồ sơ chứng từ cho Kế toán trưởng hoặc báo cáo Lãnh đạo đơn vị mà tự ý giữ hồ sơ và sử dụng nguồn tiền thu từ bán tài sản để giải quyết cho tạm ứng chi phí 71.000.000 đồng. Còn lại là 945.834.511 đồng H chiếm đoạt, sử dụng cho mục đích cá nhân.

Từ ngày 07/01/2015, Đặng Bá A thay Phạm Văn H1 làm Trưởng phòng TCKH huyện B. Ngày 05/02/2015, UBND huyện B có Quyết định phân công Bá A thay Phạm Văn H1 làm Phó Chủ tịch Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng. Lúc này Bá A mới hỏi H về trình tự, thủ tục và phân công miêng cho H tiếp tục phụ giúp các công việc liên quan đến bán đấu giá và thanh lý tài sản, chịu sự quản lý trực tiếp của Bá A. Ngày 03/7/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định thành lập Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ NH nước, trong đó Bá A là Phó Chủ tịch Hội đồng. Năm 2016, UBND huyện B giao cho Phòng TCKH thực hiện việc thanh lý một số tài sản tháo dỡ từ trụ sở của các cơ quan trên địa bàn huyện.

Từ khi tiếp nhận công tác cho đến ngày 19/01/2016 Bá A không họp phân công lại trách nhiệm trong Ban lãnh đạo mà để cho các Phó Trưởng phòng và các bộ phận chuyên môn hoạt động theo như sự phân công trước đây của Phạm Văn H1. Đến ngày 20/01/2016, Bá A họp phân công trách nhiệm Ban lãnh đạo, trong đó: Bá A phụ trách chung và trực tiếp phụ trách việc bán đấu giá, thanh lý tài sản; tiếp tục phân công bà Đặng Thúy S phụ trách tài chính quản lý thu, chi và biên lai,

ấn chỉ; giao cho H phụ trách giá công sản, chương trình mục tiêu quốc gia, giúp việc cho Bá A trong công tác bán đấu giá, thanh lý tài sản... Từ ngày 07/01/2015 đến ngày 15/11/2016, Bá A và H tham gia các Hội đồng đã thực hiện 20 vụ bán đấu giá và bán thanh lý tài sản với tổng số tiền 1.148.491.944 đồng (gồm 16 vụ bán đấu giá, 04 vụ bán thanh lý tài sản NH nước). Bá A không kiểm tra, giám sát cũng không thông báo kết quả bán tài sản và chỉ đạo bà S, bà H3 hoặc Tổ ngân sách kiểm tra, giám sát việc H thực hiện bán đấu giá, thanh lý tài sản và thu nộp tiền bán đấu giá vào ngân sách NH nước. Tất cả 20 vụ bán tài sản người mua không nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Phòng TCKH mà do H thu trực tiếp hoặc do các cơ quan bán tài sản thu rồi giao lại cho H. H tiếp tục lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý tài sản, tự ý giải quyết cho cơ quan bán tài sản tự trích giữ 272.036.500 đồng tiền chi phí bán tài sản; ngoài ra H còn tự ý cho các cơ quan tạm ứng 179.000.000 đồng tiền chi phí bán tài sản. Còn lại là 697.455.444 đồng H không nộp tài khoản tạm giữ của đơn vị để thu nộp ngân sách mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Từ ngày 15/11/2016, ông Phạm Thiện H2 là Phó Trưởng phòng được UBND huyện B giao điều hành hoạt động Phòng TCKH thay cho Bá A do được điều chuyển đi cơ quan khác. Đến ngày 27/9/2017 ông H2 được bổ nhiệm Quyền Trưởng phòng; ngày 29/12/2017 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng cho đến nay. Bản thân ông H2 không tham gia trong các Hội đồng bán tài sản. Khi Bá A bàn giao công tác cho ông H2 thì không bàn giao 03 quyển Hóa đơn bán tài sản, không bàn giao và không thông báo kết quả thực hiện các vụ bán tài sản trước đó. Sau khi tiếp nhận, ông H2 tiếp tục phân công bà Đặng Thúy S và H thực hiện chức trách, nhiệm vụ như đã được các Trưởng phòng trước phân công. Trong thời gian từ ngày 16/11/2016 đến ngày 31/5/2017, H tiếp tục có những vi phạm như đã từng thực hiện trong thời gian của các Trưởng phòng trước đó, H tham gia thực hiện 05 vụ bán tài sản bị tịch thu sung quỹ NH nước tổng số tiền bán tài là 125.403.789 đồng, người mua không trực tiếp nộp tiền mua tài sản vào tài khoản tạm giữ của phòng TCKH huyện B mà do Trần Hồng H thu trực tiếp nhưng không nộp vào ngân sách mà chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngoài ra, qua điều tra còn xác định bà Trần Thị Thanh H3 là Kế toán trưởng và bà Đặng Thúy S là Phó Trưởng phòng TCKH phụ trách công tác tài chính có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Trưởng phòng thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản NH nước, thực hiện việc thu nộp ngân sách NH nước, trên cơ sở đó tham mưu cho Trưởng phòng Báo cáo khóa sổ ngân sách năm và tham mưu UBND huyện Báo cáo tổng quyết toán ngân sách NH nước. Nhưng không chủ động trong việc tham mưu cho Trưởng phòng thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các khoản thu, chi từ việc bán đấu giá và bán thanh lý tài sản, mà chỉ căn cứ theo số liệu do H báo cáo miệng để tổng hợp vào trong Báo cáo khóa sổ ngân sách năm. Nguyên nhân do bà S và H3 không được Trưởng phòng phân công theo dõi, kiểm tra đối với việc thực hiện bán đấu giá tài sản; không phụ trách trực tiếp công

tác của Trần Hồng H nên không kiểm tra, giám sát hoạt động của H.

Đến tháng 5/2017, ông H2 nhận phản ánh từ các đơn vị bán tài sản về việc H không quyết toán theo các hồ sơ đề nghị nên ngày 01/6/2017 ông H2 đã tổ chức kiểm tra, phát hiện việc H chiếm giữ tiền bán tài sản trong nhiều năm. Do đó ông H2 đã báo cáo cho UBND huyện B biết, tổ chức thanh tra làm rõ sự việc, đồng thời yêu cầu H nộp tiền khắc phục hậu quả. Từ ngày 08/6/2017 đến 23/6/2017, Trần Hồng H đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Phòng TCKH số tiền là 2.009.285.983 đồng.

Trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017, với vai trò là tHnh viên các Hội đồng bán đấu giá và bán thanh lý tài sản, Trần Hồng H đã tự ý thu tiền của người trúng đấu giá hoặc nhận bàn giao tiền bán đấu giá từ các đơn vị đã thu của người trúng đấu giá nhưng không nộp Kho bạc NH nước huyện B để thu nộp ngân sách mà H đã lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý tài sản của Lãnh đạo phòng TCKH chiếm đoạt số tiền 1.768.693.744 đồng để tiêu xài cá nhân.

Theo Bản kết luận giám định ngày 12/11/2018 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính kế toán xác định: Hnh vi trên đã vi phạm các quy định của pháp luật về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản NH nước, gây thiệt hại cho ngân sách NH nước với tổng số tiền là 1.768.693.744 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 12/11/2019/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần Hồng H về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Theo điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

Truy tố các bị cáo Phạm Văn H1, Đặng Bá A về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Trần Hồng H, Phạm Văn H1, Đặng Bá A thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố, đồng thời xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Sau khi phân tích tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo thực hiện, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm của bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hồng H phạm tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54, Điều 38, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 6 đến 7 năm tù.

Bị cáo Phạm Văn H1, Đặng Bá A phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 37, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1, Đặng Bá A từ 12 đến 18 tháng cải tạo không

giám giữ, miễn khấu trừ thu nhập.

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Kết luận giám định về Tài chính-kế toán, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Đối với hành vi của bị cáo Trần Hồng H:

Với vai trò là thành viên các Hội đồng bán đấu giá tài sản, nhiệm vụ của bị cáo được Phạm Văn H1 và Đặng Bá A – là Trưởng Phòng TCKH phân công giúp việc, tham mưu cho Hội đồng đấu giá thực hiện các trình tự, thủ tục bán đấu giá và bán thanh lý tài sản; thu tiền bán tài sản, theo dõi, kiểm tra việc nộp tiền mua tài sản vào tài khoản tạm giữ của phòng TCHK mở tại Kho bạc NH nước để quyết toán nộp ngân sách NH nước; xuất hóa đơn bán hàng, làm thủ tục bàn giao tài sản cho người mua, quản lý hồ sơ bán tài sản đấu giá, thanh lý tài sản, ghi chép, theo dõi, bảo mật các sổ sách giấy tờ liên quan, thực hiện báo cáo kết quả đấu giá cho Hội đồng đấu giá và cơ quan tài chính và chịu sự quản lý trực tiếp của Trưởng phòng tài chính kế hoạch. Nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị cáo đã cố ý thực hiện một số việc ngoài nhiệm vụ phân công như:

Bị cáo khai nhận vì có quen biết một số người trúng đấu giá tài sản, để tiện hành thực hiện xuất hóa đơn và nhận tài sản được nhanh nên những người này có nhờ bị cáo nhận tiền mặt để nộp thay. Bị cáo đã nhận tiền mặt của những người này nhưng không xin phép, không báo cáo lãnh đạo. Việc lập chứng từ thu cũng không thông qua kế toán, không báo cáo lãnh đạo phụ trách quản lý Ngân sách nhà nước mà do bị cáo tự ý mua phiếu thu ở thị trường và tự viết và chỉ ký một mình với người nộp tiền. Hành vi này của bị cáo là “Lạm dụng chức vụ quyền hạn”, vi

phạm pháp luật về thực hiện Luật Ngân sách NH nước (NSNN) và Luật kế toán. Cụ thể: Khoản 9 Điều 72 Luật NSNN năm 2002 quy định những Hành vi sau đây là những Hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách “*Quản lý hoá đơn, chứng từ sai chế độ; mua bán, sửa chữa, làm giả hoá đơn, chứng từ; sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp;*”. Điều 20 Luật Kế toán năm 2003 quy định về ký chứng từ kế toán “*1. Chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký... 2. Chữ ký trên chứng từ kế toán phải do người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền ký. Nghiêm cấm ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký.*”.

Kết luận điều tra xác định: Tổng số tiền thu của người trúng đấu giá là 2.018.693.744 đồng nhưng bị cáo thừa nhận đã tự ý chi không báo cáo lãnh đạo cơ quan tổng cộng là 250.000.000 đồng, cụ thể: Chi tạm ứng cho Công an huyện B là 218.000.000 đồng, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Bình Phước là 2.000.000 đồng, Hạt kiểm lâm huyện B 30.000.000 đồng. Bị cáo không nộp vào NSNN mà giữ lại sử dụng cá nhân số tiền là **1.768.693.744 đồng**. Bị cáo khai nhận, để bộ phận quản lý NSNN của cơ quan không phát hiện ra hành vi này bị cáo đã cố ý không báo cáo những khoản tiền này trong những kỳ kế toán. Hành vi này của bị cáo là vi phạm nghiêm trọng pháp luật về thực hiện Luật Ngân sách NH nước (NSNN). Cụ thể: Điều 72 Luật NSNN năm 2002 quy định “*Những hành vi sau đây là những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách: 1. Che dấu nguồn thu, trì hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; ... 3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách và tài sản của NH nước;*”

Điều 82 Luật NSNN 2015 quy định “*Những hành vi sau đây là những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách: 1. Không kê khai hoặc kê khai sai doanh thu, thu nhập, chi phí, giá và các căn cứ tính các khoản phải nộp ngân sách; trì hoãn, nộp không đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trì hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trì hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trì hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước;*”

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, hoặc chiếm dụng nguồn thu ngân sách.”

Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 quy định về “*Quản lý tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính.*”

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính, sau khi trừ các khoản chi phí quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này, được nộp vào tài khoản tạm giữ (tạm giữ) hoặc tài khoản phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý (sau đây gọi chung là tài khoản tạm giữ) của cơ quan tài chính mở tại Kho bạc NH nước như sau:

b) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền ở cấp huyện, cấp xã ra quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước thì nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan tài chính cấp huyện mở tại Kho bạc NH nước cùng cấp.”

Điều 8 Thông tư 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 quy định về “*Quản lý tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính* 1. *Tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính bao gồm:*

2. *Toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính phải gửi vào tài khoản tạm giữ của cơ quan tài chính mở tại Kho bạc NH nước theo quy định sau:*

c) *Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền tịch thu thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã ra quyết định tịch thu thì số tiền thu được được gửi vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.*

3. *Số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính, sau khi trừ đi các nội dung chi theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc phải nộp vào ngân sách nhà nước...”*

Ngoài ra, việc lưu trữ, quản lý hồ sơ bán đấu giá, thanh lý tài sản NH nước bị cáo thực hiện rất sơ sài. Vì muốn giấu diếm số tiền thu được nên đến kỳ kế toán năm bị cáo đã cố ý không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ dẫn đến cho bộ phận quản lý NSNN, kế toán làm quyết toán, báo cáo thu chi Ngân sách hàng năm bị thiếu. Hành vi này của bị cáo là vi phạm nghiêm trọng pháp luật về thực hiện Luật Ngân sách NH nước (NSNN) như đã phân tích trên.

Như vậy, việc bị cáo Trần Hồng H thu tiền của người trúng đấu giá tài sản mà không nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của phòng TC-KH mở tại Kho bạc NH nước huyện B từ tháng 8/2011 đến tháng 6/2017 là sai phạm nghiêm trọng theo quy định Luật NSNN năm 2002, luật NSNN 2015, Luật kế toán năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành trong lĩnh vực tài chính kế toán. Trong đó bị cáo đã thực hiện một số hành vi vượt quá chức vụ quyền hạn được giao và bị cáo sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân là hoàn thành hành vi chiếm đoạt. Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là trên 1.000.000.000 đồng, thuộc trường hợp “Đặc biệt nghiêm trọng”. Tuy nhiên, khi bị phát hiện bị cáo H đã tích cực giao nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt sẽ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ hình phạt, chứ không được miễn trừ trách nhiệm hình sự vì số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là đặc biệt lớn. Hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Hồng H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Phạm Văn H1 và Đặng Bá A: Phạm Văn H1 và Đặng Bá A với vai trò là Trưởng phòng TCKH huyện B qua các thời kì, các bị cáo có trách nhiệm chính là quản lý, chỉ đạo, điều hành Phòng TCKH để tham mưu giúp UBND huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý về tài chính, ngân sách NH nước; tổng hợp thu chi ngân sách NH nước trên địa bàn huyện, lập quyết toán ngân sách cấp huyện và tổng quyết

toán ngân sách trên địa bàn huyện theo quy định. Ngoài ra bị cáo còn trực tiếp thực hiện những công việc không thường xuyên; cụ thể bị cáo H1 là Chủ tịch Hội đồng, bị cáo Bá A là Phó Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá, bán thanh lý tài sản; có nhiệm vụ chỉ đạo, chịu trách nhiệm chính đối với công tác bán đấu giá, bán thanh lý tài sản NH nước và quản lý trực tiếp nhiệm vụ này của Trần Hồng H; trực tiếp tham dự các cuộc bán đấu giá và bán thanh lý tài sản.

Tuy nhiên, các bị cáo Phạm Văn H1 và Đặng Bá A có phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, có nhắc nhở nhưng thiếu kế hoạch kiểm tra giám sát, không phân công cho cấp phó phụ trách đối với việc thu nộp tiền bán tài sản vào ngân sách NH nước. Từ đó để cho Trần Hồng H lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, thực hiện sai quy định của pháp luật thu tiền của người trúng đấu giá hoặc nhận bàn giao tiền bán đấu giá từ các đơn vị nhưng không nộp vào Kho bạc NH nước huyện B trong khoảng thời gian nhiều năm liền nhưng không phát hiện ra để kịp thời chấn chỉnh dẫn đến thất thu ngân sách NH nước số tiền 1.768.693.744 đồng là thiệt hại lớn cho NH nước. Trong đó, bị cáo Phạm Văn H1 phải chịu trách nhiệm về số tiền thiệt hại là 945.834.511 đồng, bị cáo Đặng Bá A phải chịu trách nhiệm về số tiền thiệt hại là 697.455.444 đồng. Hành vi của bị cáo là vi phạm nghiêm trọng pháp luật Luật NSNN năm 2002, luật NSNN 2015, Luật kế toán năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành trong lĩnh vực tài chính kế hoạch, đặc biệt là không chấp hành đúng kỷ luật tài chính, vi phạm điều cấm của Luật NSNN, cụ thể: Điều 53 Luật NSNN 2002 quy định về kỷ luật tài chính *“1. Các cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có nhiệm vụ đề ra các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi Ngân sách được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô; chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính”*; Điều 18 Luật NSNN 2015 quy định về *“Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN. 1. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu Ngân sách”*

Hành vi nói trên của các bị cáo Phạm Văn H1 và Đặng Bá A đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến tài sản của NH nước, đến hoạt động đúng đắn về quản lý ngân sách NH nước của cơ quan tài chính, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào chính quyền.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội:

[3.1] Hành vi của bị cáo Trần Hồng H thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017, H đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn, thu tiền của người trúng đấu giá hoặc nhận bàn giao tiền bán đấu giá từ các đơn vị nhưng H không nộp vào Kho bạc NH nước huyện B để thu nộp ngân sách NH nước mà chiếm đoạt số tiền 1.768.693.744 đồng, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản của nhà nước đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, cần xử phạt mức hình phạt tù nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; khi phát hiện sai phạm bị cáo đã tích cực tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại. Gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình khó khăn; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[3.2] Hành vi của bị cáo Phạm Văn H1, Đặng Bá A thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nhưng tính chất phạm tội với lỗi vô ý. Trong quá trình điều tra, xét xử đã các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, kịp thời tác động bị cáo H khắc phục hậu quả ngay; có nhiều tHnh tích trong công tác được tặng nhiều bằng khen (bị cáo Hoà được tặng 08 bằng khen, bị cáo Anh được tặng 04 bằng khen)...., tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình các bị cáo là gia đình có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình khó khăn; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại điều 54 Bộ luật hình sự và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của cơ quan nơi công tác nên cần cho miễn khấu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú để giám sát giáo dục. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. (Theo khoản 3 Điều 2 NQ số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 về bổ sung bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007).

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo H đã khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết không áp dụng hình thức phạt tiền. Tuy nhiên, đối với bị cáo H cần áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 05 năm là phù hợp.

[5] Đối với bà Đặng Thúy S và bà Trần Thị Thanh H3 do không được trưởng phòng các thời kỳ phân công theo dõi, kiểm tra đối với việc thực hiện bán đấu giá tài sản, không phụ trách trực tiếp công tác của Trần Hồng H nên không phát hiện ra các sai phạm của H nên không bị xem xét về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tuy nhiên vẫn chưa làm hết trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Trưởng phòng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; thực hiện việc thu nộp ngân sách NH nước.

[6] Đối với ông Phạm Thiện H2 là Phó Trưởng phòng phụ trách, quyền Trưởng phòng, sau đó là Trưởng phòng cũng đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra chi tiết số liệu trong báo cáo mà chỉ kiểm tra về hình thức, kết quả tổng thu, chi ngân sách mà không phát hiện việc H đã chiếm đoạt tiền bán đấu giá và bán thanh lý tài sản năm 2016. Tuy nhiên, do ông H2 không tham gia trong các Hội đồng bán tài sản; khi nhận bàn giao công tác ông H2 cũng không được Đặng Bá A thông báo về kết quả bán tài sản trong năm 2016 đã thực hiện, số tiền bán tài sản trong năm 2017 bị Trần Hồng H chiếm đoạt chưa đến kỳ quyết toán ngân sách. Tháng 6/2017 ông H2 trực tiếp tổ chức kiểm tra, phát hiện hành vi sai phạm của H nên đã báo cáo UBND huyện tiến hành thanh tra làm rõ sự việc, đồng thời ông H2 đã yêu cầu H khắc phục hậu quả, nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt vào tài khoản tạm giữ của đơn vị. Căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 73 của Luật Phòng chống tham nhũng 2018 thì ông H2 được xem xét miễn trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 2.009.285.983 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch huyện B để khắc phục hậu quả Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Đối với số tiền này cần xử lý như sau:

Giao cho Phòng Tài chính kế hoạch huyện B số tiền 1.768.693.744 đồng trong số tiền mà bị cáo Trần Hồng H đã giao nộp là 2.009.285.983 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch huyện B để giải quyết trả lại Ngân sách NH nước theo quy định của pháp luật. Trả cho bị cáo Trần Hồng H số tiền là 240.592.239 đồng.

Đối với số tiền bị cáo H cho các cơ quan tham gia bán đấu giá, thanh lý tài sản tạm ứng cụ thể: Công an huyện B 218.000.000 đồng, Hạt kiểm lâm huyện B 30.000.000 đồng, tiền giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước 2.000.000 đồng và Công an huyện B tạm trích 272.036.500 đồng. Hiện phòng Tài chính kế hoạch huyện B phối hợp với các cơ quan này để hoàn tất thủ tục chi phí cho việc đấu giá theo quy định của pháp luật và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Đối với 03 quyền Hóa đơn bán tài sản (gồm: 01 quyền Hóa đơn bán tài sản NH nước số 0071 ký hiệu AA/2010-TSNN, 02 quyền Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ NH nước số 0103, 0104 ký hiệu AA/2010-QLCS); 50 bộ hồ sơ, chứng từ của 50/53 vụ bán tài sản do các Hội đồng bán tài sản thực hiện trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017 (có 03 vụ bán tài sản không thu được hồ sơ do không còn lưu giữ); Bản sao dự toán thu, chi ngân sách, điều chỉnh thu, chi ngân sách từ năm 2011 đến 2017 của UBND huyện B; Bản sao các Báo cáo kết quả khóa sổ ngân sách năm của Phòng TCKH, Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách

năm của huyện B từ năm 2011 đến 2017 và chứng từ liên quan; Bản sao sổ hợp đơn vị, Bản phân công nhiệm vụ của Phòng TCKH huyện B từ năm 2010 đến ngày 31/5/2017; Bản sao biên bản bàn giao công tác giữa các Lãnh đạo phòng TCKH trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017; 333 tờ là tài liệu của các vụ bán tài sản thu giữ trong quá trình khám xét chỗ làm việc của Trần Hồng H. Đây là các chứng cứ của vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Hồng H** phạm tội “**Lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo **Phạm Văn H1, Đặng Bá A** phạm tội “**Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng**” theo điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54, Điều 38, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Hồng H** 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/11/2018. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 360; b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 37, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H1** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **Đặng Bá A** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Hồng H đã giao nộp số tiền 2.009.285.983 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch huyện B.

Giao cho Phòng Tài chính kế hoạch huyện B số tiền 1.768.693.744 đồng trong số tiền mà bị cáo Trần Hồng H đã giao nộp là 2.009.285.983 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng tài chính kế hoạch huyện B để giải quyết trả lại Ngân sách NH nước theo quy định của pháp luật. Trả cho bị cáo Trần Hồng H số tiền là 240.592.239 đồng.

Đối với số tiền bị cáo H cho các cơ quan tham gia bán đấu giá, thanh lý tài sản tạm ứng cụ thể: Công an huyện B 218.000.000 đồng, Hạt kiểm lâm huyện B 30.000.000 đồng, tiền giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước 2.000.000 đồng và Công an huyện B tạm trích 272.036.500 đồng thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu hồ sơ vụ án: Đối với 03 quyền Hóa đơn bán tài sản (gồm: 01 quyền Hóa đơn bán tài sản nH nước số 0071 ký hiệu AA/2010-TSNN, 02 quyền Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nH nước số 0103, 0104 ký hiệu AA/2010-QLCS); 50 bộ hồ sơ, chứng từ của 50/53 vụ bán tài sản do các Hội đồng bán tài sản thực hiện trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017 (có 03 vụ bán tài sản không thu được hồ sơ do không còn lưu giữ); Bản sao dự toán thu, chi ngân sách, điều chỉnh thu, chi ngân sách từ năm 2011 đến 2017 của UBND huyện B; Bản sao các Báo cáo kết quả khóa sổ ngân sách năm của Phòng TCKH, Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách năm của huyện B từ năm 2011 đến 2017 và chứng từ liên quan; Bản sao sổ hợp đơn vị, Bản phân công nhiệm vụ của Phòng TCKH huyện B từ năm 2010 đến ngày 31/5/2017; Bản sao biên bản bàn giao công tác giữa các Lãnh đạo phòng TCKH trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2017; 333 tờ là tài liệu của các vụ bán tài sản thu giữ trong quá trình khám xét chỗ làm việc của Trần Hồng H.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Hồng H, Phạm Văn H1, Đặng Bá A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

7. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an T. Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án-Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo